TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ RG** TỈNH KIÊN GIANG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 22/6/2020
V/v tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung vợ chồng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ RG
TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đào Đức Luân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Kim Phượng

2. Bà Chung Kim Sang

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Hồng Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Ngày 22 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố RG xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 53/2019/TLST-HNGĐ, ngày 21 tháng 02 năm 2019 về việc "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 12 tháng 6 năm 2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị Th**, sinh năm 1984 (có mặt).

Địa chỉ: số 1111/1B, đường L.Q.K, phường A.H, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Trọng L**, sinh năm 1975 (có mặt).

Địa chỉ: số 1111/1B, đường L.Q.K, phường A.H, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: **Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam** (vắng mặt, có đơn xin vắng mặt).

Trụ sở chính: số 108, đường T.H.Đ, quận Hoàn H.K, Thành phố HN.

Người đại diện theo pháp luật là ông Lê Đức Th, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trụ sở chi nhánh tại Kiên Giang: số D11-5B, đường 3 Tháng 2, phường V.L, thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/01/2019 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – chị Đặng Thị Th trình bày: Chị và anh Nguyễn Trọng L tự tìm hiểu, quen biết, yêu thương nhau, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp A, huyện T.H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2010, sau đó tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào khoảng cuối tháng 8/2010.

Vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn từ tháng 6/2018 và sống ly thân từ tháng 02/2019 cho đến nay.

Nguyên nhân mâu thuẫn: Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng từ tháng 6/2018 thì hai người thường xảy ra mâu thuẫn, chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, mối quan hệ xã hội bên ngoài, kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, ngoài ra anh L còn có hành vi bạo hành gia đình, cụ thể là anh L đánh chị trước mặt con chung làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị và tâm sinh lý của con chung dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Chị đã nhiều lần cố gắng hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không được mà mâu thuẫn ngày càng trở nên trầm trọng. Cảm thấy không thể sống chung với nhau do chị không còn yêu thương anh L nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh Liêm.

Về con chung: Có 01 người con chung tên Nguyễn Đặng Khả A, sinh ngày 06/8/2013, chị Th yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Chị yêu cầu Tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận giữa chị và anh L về việc cấp dưỡng nuôi con tại phiên hòa giải ngày 19/02/2020, cụ thể là anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.300.000 đồng tính từ ngày 19/02/2020 cho đến ngày 31/12/2020, từ ngày 01/01/2021 anh L sẽ tiếp tục cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng đã thanh toán xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam số tiền gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên chị xác định vợ chồng không còn nợ chung.

- Trong suốt quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn – anh Nguyễn Trọng L trình bày: Anh thống nhất với lời trình bày của chị Th về quan hệ hôn nhân, thời điểm ly thân, con chung, tài sản chung và nợ chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh nghi ngờ chị Th có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi, đôi lúc xô

xát nhau. Từ đó mà chị Th không tôn trọng anh, nhiều lần về nhà là đòi kiếm chuyện với anh và tuyên bố một câu "từ nay sẽ không nhịn nữa", ngoài ra mỗi lần biết anh theo dõi thì khi về nhà chị Th thường hay la hét, thậm chí cầm dao đòi tự tử dẫn đến ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chung, Nay anh yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

Về hôn nhân: Anh thừa nhận mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, kéo dài từ tháng 6/2018 đến nay, anh không thể sống chung với người vợ như vậy nhưng anh không đồng ý ly hôn với chị Th do anh lo sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Về con chung: Đồng ý giao người con chung tên Nguyễn Đặng Khả A cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.300.000 đồng tính từ thời điểm ngày 19/02/2020 cho đến ngày 31/12/2020, từ ngày 01/01/2021 anh L sẽ tiếp tục cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Hiện nay vợ chồng đã thanh toán xong cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam số tiền gốc 30.000.000 đồng (ba mươi triệu đồng) và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng nên anh xác định vợ chồng không còn nợ chung.

- Theo đơn khởi kiện yêu cầu độc lập đề ngày 31/10/2019 và lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam trình bày: Vào ngày 11/9/2017, vợ chồng anh Nguyễn Trọng L và chị Đặng Thị Th đến Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam – chi nhánh Kiên Giang ký kết hợp đồng cho vay số: 17290808/2017-HĐCV/NHCT840 để thỏa thuận và thực hiện nội dung như sau: Số tiền vay: 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng); mục đích sử dụng vốn vay: thanh toán chi phí thiết bị gia đình; thời hạn cho vay: 60 tháng, kể từ ngày nhận nợ đầu tiên (12/9/2017).

Tài sản bảo đảm cho số tiền vay nêu trên là phần đất trồng cây lâu năm có diện tích 98 m^2 tọa lạc tại đường L.Q.K, phường A.H, thành phố RG; thửa đất số: 209, tờ bản đồ số: 97; theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất – quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BC 191042, vào sổ cấp GCN số: CH000694, do Ủy ban nhân dân thành phố RG cấp cho anh Nguyễn Trọng L vào ngày 14/10/2010. Tài sản nêu trên đã được thế chấp theo Hợp đồng số: 17290808/HĐTC ngày 08/9/2017 và đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố RG vào thời gian nêu trên. Tính đến ngày 31/10/2019, vợ chồng anh L và chị Th

còn nợ ngân hàng số tiền gốc 30.000.000 đồng và tiền lãi là 215.205 đồng, tổng cộng 30.215.205 đồng nên ngân hàng yêu cầu anh L và chị Th thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi suất phát sinh cho đến khi tất toán nợ. Vào ngày 13/01/2020, anh L và chị Th đã tất toán toàn bộ khoản nợ vay tín dụng cùng với số tiền lãi phát sinh nên đến ngày 13/02/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với khoản nợ vay này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

[1] Nguyên đơn – chị Đặng Thị Th yêu cầu ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn – anh Nguyễn Trọng L, đồng thời trong quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam có đơn yêu cầu khởi kiện độc lập đối với khoản nợ chung của vợ chồng anh L và chị Th nên quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các bên là "Tranh chấp về ly hôn, nuôi con chung, cấp dưỡng nuôi con, nợ chung vợ chồng" theo quy định tại các khoản 1, 5 và 8 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Các đương sự tranh chấp về quan hệ hôn nhân, bị đơn có nơi cư trú tại thành phố RG, tỉnh Kiên Giang. Do đó, căn cứ theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án trên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố RG, tỉnh Kiên Giang.

Về nội dung vụ án:

[1] Xét yêu cầu ly hôn: Chị Th và anh L tự quen nhau, sau đó quyết định tiến tới hôn nhân, hai người đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Hiệp A, huyện T.H, tỉnh Kiên Giang và được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 11/8/2010; như vậy, việc kết hôn của chị Th và anh L đã thực hiện đúng theo quy định tại Điều 11 và Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên quan hệ hôn nhân giữa hai người là hợp pháp. Qua lời khai trong suốt quá trình giải quyết vụ án, chị Th cho rằng trong quá trình chung sống, vợ chồng đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân chủ yếu là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm trong cách sống, mối quan hệ xã hội bên ngoài, kinh tế gia đình nên vợ chồng thường xuyên cự cãi, ngoài ra anh L còn có hành vi bạo hành gia đình, cụ thể là anh L đánh chị trước mặt con chung làm ảnh hưởng đến tinh thần của chị và tâm sinh lý của con chung dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm với nhau; anh L thì cho rằng nguyên nhân mâu

thuẫn vợ chồng là do anh nghi ngờ chị Th có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cự cãi, đôi lúc xô xát nhau, từ đó mà chị Th không tôn trọng anh, nhiều lần về nhà là đòi kiếm chuyện với anh và tuyên bố một câu "từ nay sẽ không nhịn nữa", ngoài ra mỗi lần biết anh theo dõi thì khi về nhà chị Th thường hay la hét, thậm chí cầm dao đòi tự tử dẫn đến ảnh hưởng đến tâm sinh lý của con chung. Do đó cả hai người đều xác định mâu thuẫn vợ chồng đã trở nên trầm trọng, kéo dài từ tháng 6/2018 đến nay, anh L xác định không thể sống chung với người vợ như vậy nhưng anh L không đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị Th do anh lo sẽ ảnh hưởng đến việc nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Xét thấy, mối quan hệ hôn nhân giữa chị Th và anh L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Th.

[2] Về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Th và anh L thống nhất thỏa thuận giao người con chung tên Nguyễn Đặng Khả A cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.300.000 đồng tính từ thời điểm ngày 19/02/2020 cho đến ngày 31/12/2020, từ ngày 01/01/2021 anh L sẽ tiếp tục cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, chị Th, anh L vẫn giữ nguyên ý chí nêu trên và yêu cầu Tòa án ghi nhận nội dung thỏa thuận này. Xét yêu cầu này phù hợp với quy định tại các Điều 81, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về tài sản chung: Chị Th và anh L tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về nợ chung vợ chồng cũng như việc xem xét yêu cầu khởi kiện độc lập của ngân hàng: Trong quá trình giải quyết vụ án, vợ chồng chị Th và anh L đã tất toán toàn bộ khoản nợ vay tín dụng cùng với số tiền lãi phát sinh cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam nên đến ngày 13/02/2020 Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu độc lập đối với khoản nợ vay này. Tại phiên tòa, chị Th và anh L xác định không có khoản nợ chung nào khác, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ly hôn, nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn – chị Đặng Thị Th. Đồng thời đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng thương mại cổ

phần C.T Việt Nam đối với khoản nợ 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do ngân hàng đã rút yêu cầu.

[5] Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Nguyên đơn – chị Đặng Thị Th phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000460, ngày 15/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị Th không phải nộp thêm.

- Án phí cấp dưỡng: Do đã thỏa thuận được về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên anh Nguyễn Trọng L chỉ phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí nợ vay: Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009605, ngày 04/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các khoản 1, 5 và 8 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, khoản 3 Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng các Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Áp dụng khoản 6 Điều 19, điểm a khoản 5 và điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn – chị Đặng Thị Th, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Đặng Thị Th được ly hôn với anh Nguyễn Trọng L.

- Về con chung: Giao người con chung tên Nguyễn Đặng Khả A, sinh ngày 06/8/2013 cho chị Th nuôi dưỡng đến khi thành niên, anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.300.000 đồng (một triệu, ba trăm nghìn đồng) tính từ thời điểm ngày 19/02/2020 cho đến ngày 31/12/2020, từ ngày 01/01/2021 anh L sẽ

tiếp tục cấp dưỡng mỗi tháng 1.500.000 đồng (một triệu, năm trăm nghìn đồng) cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải cấp dưỡng nuôi con chung cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ly hôn, anh L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh L lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị Th có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L.

Quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định pháp luật.

- Về tài sản chung: Chị Th và anh Liêm tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xem xét.

- Về nợ chung vợ chồng: Ngoài khoản nợ vay tín dụng đã tất toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam, chị Th và anh L xác định không có khoản nợ chung nào khác, nên không xem xét.

2. Đình chỉ toàn bộ yêu cầu khởi kiện độc lập của Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam đối với khoản nợ 30.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh do ngân hàng đã rút yêu cầu.

3. Về án phí sơ thẩm:

- Án phí ly hôn: Nguyên đơn – chị Đặng Thị Th phải chịu nghĩa vụ nộp số tiền án phí 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng). Khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) mà chị Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000460, ngày 15/02/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG nên chị Th không phải nộp thêm.

- Án phí cấp dưỡng: Do đã thỏa thuận được về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng trước khi mở phiên tòa nên anh Nguyễn Trọng L chỉ phải chịu số tiền án phí là 300.000 đồng x 50% = 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng).

- Án phí nợ vay: Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần C.T Việt Nam số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 755.000 đồng (bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền số 0009605, ngày 04/11/2019 tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố RG.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP. RG;
- Chi cục THA dân sự TP. RG;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Hiệp A, huyện T.H, Kiên Giang;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Đức Luân